

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2024

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LŨ - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Kế

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1974

HKTT: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

(Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P được người quen giới thiệu, qua thời gian tìm hiểu, đồng ý xây dựng gia đình với nhau. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/01/2020. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn bà P về chung sống cùng ông tại thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hòa thuận vui vẻ được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tuổi tác chênh lệch nhiều, quan điểm sống cũng như cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không hợp nhau, một phần do bà P cứ sáng dậy là đi đâu đến trưa về ăn cơm xong chiều lại đi đến tối mới về, ngày nào cũng vậy, không chịu ở nhà dọn dẹp nhà cửa cơm nước, nhà có công việc giỗ chạp bà P cũng không quan tâm đến, để tự bố con ông lo liệu. Ông có nói chuyện phải trái thì bà P không nghe mà còn tỏ thái độ không vừa lòng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa lánh. Đến tháng 3/2023 bà P bỏ đi làm thuê và về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông cũng không tìm bà P về lần nào, không ai quan tâm đến ai. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà P không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện L, giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Bà P khai trước khi kết hôn ông có hứa hẹn cho bà P nhà cửa, cho con bà P tiền ăn học là không chính xác. Trên thực tế ông không hứa hẹn cho bà P nhà cửa khi kết hôn nhưng trong thời kỳ hôn nhân với bà P ông có đưa cho bà P tiền để nuôi con ăn học. Ông xác định mối quan hệ giữa bà P và các con ông cũng không được hòa hợp. Vì bà P không ở nhà chăm sóc ông nên các con ông nói chuyện và có những lời nói xúc phạm tới bà P, các con ông không đuổi bà P đi mà do bà P tự bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Do bà P từ chối tham gia tố tụng không muốn trực tiếp gặp ông nên ông xin từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà không có con.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần, ruộng cấy: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản trình bày quan điểm, ý kiến; biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đỗ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/01/2020. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi đăng ký kết hôn ông N có hứa hẹn cho bà nhà cửa, cho tiền để bà nuôi con ăn học nên bà mới kết hôn ông N chứ bà không có tình cảm với ông N. Sau khi đăng ký kết hôn bà về ở cùng với ông N, không tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống cũng không được hạnh phúc nguyên nhân do tuổi

tác chênh lệch nhiều, quan điểm sống cũng như sinh hoạt hàng ngày không hợp nhau, không có tiếng nói chung, ông N không thực hiện lời hứa chỉ cho con bà được 2 tháng tiền học, sau đó không cho nữa. Ngoài ra còn do con các của ông N không tôn trọng, coi thường bà. Ông N không dạy bảo mà còn nghe theo các con không coi bà ra gì. Tháng 3/2023 do con trai ông N là anh Phạm Văn Đ và con gái là Phạm Thị H đến nhà đuổi bà ra khỏi nhà và nói: "Nếu ra không ra khỏi nhà sẽ rút hết đồ dùng cá nhân ngoài sân, bấy giờ to chuyện", còn nói: "chị không làm ăn gì cứ ở nhà ăn bám bố tôi để bố tôi phải nuôi nợ" nên bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Thời gian sống ly thân ông N không đến tìm bà về nào. Nay ông N có đơn xin ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà với ông N không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có con.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần, ruộng cây: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mời người thân của bà lên làm việc, tuy nhiên mẹ bà đã 84 tuổi già yếu không lên được, người thân của bà đều đã biết việc bà và ông N đang làm thủ tục ly hôn nhưng không có ý kiến gì vì đây là việc cá nhân của ông bà. Việc ông bà ở được với nhau hay không là do ông bà tự quyết định.

Do công việc làm thuê, xin nghỉ rất khó khăn nên bà xin được vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng và xin vắng mặt tại phiên tòa. Bà giữ nguyên có ý kiến trình bày ở trên.

Người làm chứng chị Phạm Thị H xác định: Bố chị và bà P kết hôn năm 2020. Sau khi kết hôn bà P về chung sống cùng bố chị tại thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống bố chị và bà P sống hòa thuận được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P suốt ngày đi chơi không chịu ở nhà dọn dẹp nhà cửa cơm nước giúp bố, cứ để bố chị phải tự nấu cơm phục vụ bà P, khi nhà có công to việc lớn, giỗ chạp bà P cũng không quan tâm đến. Bố chị đã nói bà P nhiều lần nhưng không nghe mà còn tỏ thái độ không vừa lòng. Do cách cư xử của bà P không tốt, không có sự chăm sóc bố chị nên anh em chị có nói chuyện với bà P nhiều lần nhưng không có kết quả, bà P vẫn không thay đổi. Vào khoảng tháng 3/2023 vì thương bố nên chị và anh Đ (là anh trai) có nói chuyện qua lại với bà P, trong lúc nóng giận thì anh Đ có lời nói xúc phạm đến bà P nên bà P đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Bố chị và bà P sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay bố chị làm đơn xin ly hôn bà P, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm và nguyện vọng của bố chị và bà P. Chị tôn trọng quyết định của bố

và bà P.

Bố chị và bà P không có con chung.

Chị được biết giữa bố và bà P không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có công sức đóng góp gì cho gia đình. Anh em chị không có gì liên quan, chị không có yêu cầu gì.

Tòa án nhân dân huyện L xác minh tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 16/01/2020, theo số thứ tự 03. Hôn nhân của ông N và bà P được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng ông N, bà P chung sống với nhau như thế nào, có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa P không nắm được. Theo địa P nắm bắt thì hiện tại ông N và bà P đang sống ly thân. Bà P đã về nhà ở cùng với mẹ đẻ ở thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Ông N và bà P không có con chung.

Ông N và bà P đều từ chối tham gia phiên hòa giải theo thủ tục nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, bản trình bày quan điểm, ý kiến, biên bản ghi lời khai của bị đơn; lời khai người làm chứng, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã A, huyện L và các tài liệu khác.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, N vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, xử cho ông N được ly hôn bà P.

Về con chung: Ông bà không có con chung

Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Ông N được miễn phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Ông Phạm Văn N khởi kiện xin ly hôn bà Đỗ Thị P có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Ông N, bà P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn N, HĐXX thấy: Ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị P có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/01/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà chênh lệch về độ tuổi, quan điểm sống không hợp nhau. Bà P không chịu ở nhà dọn dẹp nhà cửa cơm nước, không quan tâm, lo liệu đến việc giỗ chạp của gia đình chồng, nhiều lần ông N đã khuyên bảo bà P nhưng không được, bà P còn tỏ thái độ với ông dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Bản thân bà P cũng xác định khi kết hôn với ông N đã không có tình cảm nhưng vì ông N hứa hẹn cho bà nhà cửa cũng như tiền để nuôi con riêng của bà ăn học nên bà mới kết hôn với ông. Tuy nhiên sau khi kết hôn, ông N không thực hiện lời hứa nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bên cạnh đó mối quan hệ giữa bà P và con riêng của ông N không được hòa hợp. Ông N khẳng định trước khi kết hôn với bà P ông không hứa hẹn cho bà nhà cửa nhưng ông vẫn cho bà tiền để nuôi con riêng của bà ăn học. Các con của ông cũng không bao giờ đuổi bà ra khỏi nhà mà chỉ to tiếng với bà P do bà P không quan tâm tới gia đình. Lời khai của ông N phù hợp với lời khai của con gái ông là chị Phạm Thị H. Mâu thuẫn giữa ông N và bà P ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được nên vào tháng 3/2023, bà P đã bỏ đi làm thuê và bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Ông N, bà P sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trước yêu cầu ly hôn của ông N, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà nhất trí ly hôn nhưng từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông N và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận việc ông N xin ly hôn bà P.

[3]. Về con chung: Ông bà không có con.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông N là người cao tuổi, có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N.

Xử: Cho ông Phạm Văn N được ly hôn bà Đỗ Thị P.

2. *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung.

3. *Về tài sản chung, công sức; nợ nần*: Các đương sự không có yêu cầu. HĐXX không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Phạm Văn N được miễn án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc